

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI

Pháp lệnh số:
04/2026/UBTVQH16

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

PHÁP LỆNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA PHÁP LỆNH CHI PHÍ TỔ TỤNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15, Luật số 99/2025/QH15, Luật số 103/2025/QH15, Luật số 105/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15 và Luật số 128/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tương trợ tư pháp về dân sự số 102/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tương trợ tư pháp về hình sự số 103/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15;

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Chi phí tố tụng số 05/2024/UBTVQH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Chi phí tố tụng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Pháp lệnh này quy định về một số chi phí tố tụng; tạm ứng chi phí tố tụng; trách nhiệm chi trả, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; kinh phí chi trả chi phí tố tụng theo quy định của Bộ luật Tổ tụng hình sự, Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Phục hồi, phá sản và Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

Việc xác định chi phí, tạm ứng chi phí, trách nhiệm chi trả, nghĩa vụ chịu chi phí, kinh phí chi trả chi phí trong quá trình Tòa án nhân dân xem xét, quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc và xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh này.”.

2. Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 Điều 3 như sau:

“10. Chi phí tố tụng theo pháp luật về phục hồi, phá sản.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Nguyên tắc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định; miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự

1. Việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định; miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định áp dụng đối với người

quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Pháp lệnh này có yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ, yêu cầu giám định được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng chấp nhận và chỉ miễn, giảm đối với các trường hợp sau đây:

- a) Việc xem xét, thẩm định tại chỗ do cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện;
- b) Việc giám định do cơ quan, đơn vị, tổ chức giám định tư pháp công lập không phải là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động hoặc tổ chức giám định tư pháp công lập là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện.

2. Trường hợp các đương sự thỏa thuận một bên chịu toàn bộ hoặc một phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải nộp mà bên chịu toàn bộ hoặc một phần chi phí phải nộp thuộc trường hợp được miễn, giảm nộp thì Tòa án chỉ xem xét miễn, giảm đối với phần mà người thuộc trường hợp được miễn, giảm phải chịu theo quy định của Pháp lệnh này. Phần chi phí mà người đó nhận nộp thay người khác thì không được miễn, giảm nộp.

3. Trường hợp được miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì cơ quan tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ có trách nhiệm thanh toán số tiền đã miễn, giảm.

Trường hợp được miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí giám định; miễn, giảm chi phí giám định thì cơ quan, đơn vị, tổ chức giám định tư pháp công lập không phải là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động hoặc tổ chức giám định tư pháp công lập là đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm thanh toán số tiền đã miễn, giảm.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Người được miễn tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định; miễn chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự

- 1. Trẻ em.
- 2. Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- 3. Người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định của pháp luật.
- 4. Người khuyết tật được hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.
- 5. Người có công với cách mạng.
- 6. Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- 7. Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi của liệt sĩ, người có công nuôi liệt sĩ.
- 8. Người nhiễm chất độc da cam.
- 9. Người bị thiệt hại trong trường hợp phải giám định thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.”.

5. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 8 như sau:

“Điều 8. Người được giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định; giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Thủ tục đề nghị miễn, giảm tiền tạm ứng, miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự

1. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng là người được miễn, giảm quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Pháp lệnh này phải có đơn đề nghị miễn, giảm tiền tạm ứng, miễn, giảm chi phí gửi Tòa án kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm.

2. Trong tố tụng hình sự, người được miễn, giảm chi phí giám định quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Pháp lệnh này phải có đơn đề nghị miễn, giảm chi phí giám định gửi cơ quan trung cầu giám định kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm.

3. Đơn đề nghị miễn, giảm tiền tạm ứng, miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm đơn;

b) Họ, tên, địa chỉ của người làm đơn;

c) Đối tượng xem xét, thẩm định tại chỗ; đối tượng trung cầu giám định;

d) Lý do, căn cứ đề nghị miễn, giảm.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự

1. Đối với vụ án dân sự, vụ án hành chính, thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định được thực hiện như sau:

a) Trường hợp vụ án được giải quyết mà không phải mở phiên tòa thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có thẩm quyền quyết định việc miễn, giảm chi phí;

b) Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có thẩm quyền quyết định việc miễn, giảm chi phí.

2. Đối với việc dân sự, Thẩm phán được phân công giải quyết việc dân sự có thẩm quyền quyết định việc miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định.

3. Đối với vụ án hình sự, thẩm quyền quyết định miễn, giảm chi phí giám định được thực hiện như sau:

a) Trường hợp vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra, cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thẩm quyền quyết định việc miễn, giảm chi phí;

b) Trường hợp vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố thì Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền quyết định việc miễn, giảm chi phí;

c) Trường hợp vụ án được giải quyết mà không phải mở phiên tòa thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thẩm quyền quyết định việc miễn, giảm chi phí;

d) Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có thẩm quyền quyết định việc miễn, giảm chi phí.

4. Việc miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải được ghi trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bản án của Tòa án.

5. Trích lục bản án, quyết định có nội dung miễn, giảm hoặc không miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định phải được gửi cho người đề nghị, cơ quan, tổ chức thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ, giám định trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra bản án, quyết định.”.

8. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 12 như sau:

“Điều 12. Mức giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định; mức giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về chi phí tố tụng

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, quyết định về nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng và việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí, miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại như sau:

a) Khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền đối với quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

b) Khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp đối với quyết định của Viện kiểm sát;

c) Khiếu nại đến Chánh án Tòa án thụ lý, giải quyết vụ việc đối với thông báo của Tòa án.

2. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại quy định tại khoản 1 Điều này phải xem xét giải quyết khiếu nại trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại là quyết định cuối cùng.

3. Khiếu nại và việc giải quyết khiếu nại về nghĩa vụ nộp chi phí tố tụng trong bản án, quyết định của Tòa án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng.

4. Tố cáo và việc giải quyết tố cáo về chi phí tố tụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 38 như sau:

“4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thu tiền tạm ứng chi phí giám định, Tòa án, tổ chức, người thực hiện giám định xử lý khoản tiền đã thu theo quy định của pháp luật. Tổ chức, người thực hiện giám định phải cấp hóa đơn hoặc biên nhận tiền tạm ứng chi phí giám định cho Tòa án.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

“Điều 42. Trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định

1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra quyết định trưng cầu giám định không phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định khi trưng cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức giám định tư pháp công lập không phải là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động

hoặc tổ chức giám định tư pháp công lập là đơn vị sự nghiệp công lập. Việc tạm ứng chi phí giám định của cơ quan, đơn vị, tổ chức này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra quyết định trưng cầu giám định có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định khi trưng cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện giám định mà không do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

“Điều 43. Trách nhiệm chi trả chi phí giám định

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức giám định tư pháp công lập không phải là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động hoặc tổ chức giám định tư pháp công lập là đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm chi trả chi phí giám định khi thực hiện giám định theo quyết định trưng cầu giám định.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm chi trả chi phí giám định khi trưng cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện giám định mà không do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động.

3. Vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì bị hại yêu cầu khởi tố phải hoàn trả chi phí giám định cho ngân sách nhà nước như sau:

a) Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì hoàn trả thông qua cơ quan, đơn vị, tổ chức đó;

b) Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì hoàn trả thông qua cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã trưng cầu giám định.

4. Trường hợp nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự yêu cầu giám định thì người đã yêu cầu phải chịu chi phí giám định.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“Điều 44. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí giám định

1. Trường hợp phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Pháp lệnh này thì tổ chức, người thực hiện giám định xác định và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã ra quyết định trưng cầu giám định về số tiền, thời hạn và phương thức nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã ra quyết định trưng cầu giám định có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo thông báo của tổ chức, người thực hiện giám định quy định tại khoản 1 Điều này.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 64 như sau:

“Điều 64. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, nghĩa vụ chịu chi phí, việc xử lý tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài

1. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, nghĩa vụ chịu chi phí, việc xử lý tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong tố tụng dân sự được thực hiện theo quy định tại các điều 152, 153 và 154 của Bộ luật Tố tụng dân sự, pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự.

2. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, nghĩa vụ chịu chi phí, việc xử lý tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong tố tụng hành chính được thực hiện theo quy định tại các điều 353, 354 và 355 của Luật Tố tụng hành chính, pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 66 như sau:

“Điều 66. Trách nhiệm chi trả chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài

Trách nhiệm chi trả chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự.”.

16. Bổ sung Chương Xa vào sau Chương X như sau:

“Chương Xa

CHI PHÍ TỔ TỤNG THEO PHÁP LUẬT VỀ PHỤC HỒI, PHÁ SẢN

Điều 70a. Xác định chi phí tố tụng theo pháp luật về phục hồi, phá sản

1. Chi phí phá sản trong trường hợp do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản, gồm: chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, chi phí kiểm toán và các chi phí cần thiết, hợp lý khác theo quy định của pháp luật.
2. Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Chính phủ.
3. Chi phí kiểm toán quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Pháp lệnh này.
4. Chi phí tố tụng cần thiết, hợp lý khác theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

Điều 70b. Tạm ứng chi phí phá sản, chi trả chi phí phá sản và xử lý tiền tạm ứng chi phí phá sản trong trường hợp do ngân sách nhà nước bảo đảm

1. Tòa án có trách nhiệm tạm ứng chi phí phá sản, chi trả chi phí phá sản trong trường hợp do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.
2. Trường hợp giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đủ để chi trả chi phí phá sản thì tiền tạm ứng chi phí phá sản được hoàn trả ngay vào ngân sách nhà nước.
3. Trường hợp giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã thanh toán được một phần chi phí phá sản thì phải hoàn trả ngay phần này vào ngân sách nhà nước.”.

17. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 71 như sau:

“3. Kinh phí chi trả tạm ứng chi phí phá sản, chi phí phá sản cho các trường hợp do ngân sách nhà nước bảo đảm được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Tòa án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh này.
2. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp việc trung cầu giám định được thực hiện trước ngày Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành mà đến ngày 01 tháng 8 năm 2026 chưa chi trả, thanh toán, quyết toán chi phí giám định xong thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Chi phí tố tụng số 05/2024/UBTVQH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Từ ngày 01 tháng 5 năm 2026, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quy định của Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15 để thực hiện các quy định về chi phí giám định.

3. Từ ngày 01 tháng 3 năm 2026, Tòa án và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quy định của Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 để thực hiện các quy định về chi phí tố tụng theo pháp luật về phục hồi, phá sản trong trường hợp do ngân sách nhà nước bảo đảm.

4. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, Tòa án và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quy định của Luật Tương trợ tư pháp về dân sự số 102/2025/QH15, Luật Tương trợ tư pháp về hình sự số 103/2025/QH15 để thực hiện các quy định về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự theo pháp luật về tương trợ tư pháp.

Pháp lệnh này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XVI, Phiên họp thứ 4 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Mẫn